

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MAI SƠN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2019/HS-ST
Ngày 15 – 10 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN- TỈNH SƠN LA**

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Văn Thịnh

Các hội thẩm nhân dân: Ông Hà Văn Sơ

Ông Cầm Văn Tổ

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Đinh Thị Phương Thúy –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Quỳnh Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm Ckhai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 75/2019/TLST-HS ngày 18 tháng 9 năm 2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2019/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2019/HSST-QĐ ngày 03 tháng 10 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. NGUYỄN NGỌC A. Tên gọi khác: không. Sinh năm 1974 tại huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La.

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi ở: Tiểu khu 9, thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn A1, sinh năm 1952 và bà: Nguyễn Thị A2, sinh năm 1956; Bị cáo có vợ là Đinh Huyền A3, sinh năm 1976; Bị cáo có 02 con sinh năm 2000 và sinh năm 2011.

Tiền án: Tại Bản án số 54/2017/HSST ngày 11/4/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình Nguyễn Ngọc A bị xử phạt 01 năm 06 tháng (một năm sáu tháng) tù giam về tội tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015. Ngày 22/4/2018 A chấp hành xong hình phạt tù, chưa được xóa án tích.

Tiền sự: không.

Nhân thân: Tại bản án hình sự số: 147/2005/HSST ngày 09.5.2005 của TAND tỉnh Sơn La xử phạt Nguyễn Ngọc A 05 năm tù giam về tội vận chuyển trái phép chất ma túy; Bản án số: 44/2012/HSST ngày 13.11.2012 của TAND

huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình xử phạt Nguyễn Ngọc A 06 tháng tù giam về tội Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ (bị cáo đã được đương nhiên xóa án tích).

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Trại tạm giam Can tỉnh Sơn La kể từ ngày 29/6/2019 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

2. ĐINH NGỌC B. Tên gọi khác: không. Sinh năm 1985 tại huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi ở: Tiểu khu 2, xã Cò Nòi, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 05/12; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Đinh Văn B1, sinh năm 1962 và bà: Đặng Thị B2, sinh năm 1963; Bị cáo có vợ là Lò Thị B3, sinh năm 1994; Bị cáo có 01 con sinh năm 2016.

Tiền án: Tại Bản án số 96/2008/HSST ngày 28/8/2008 của Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La Đinh Ngọc B bị xử phạt 09 năm (chín năm) tù giam về tội Cố ý gây thương tích theo quy định tại khoản 3 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999. Đinh Ngọc B chưa chấp hành xong phần bồi thường dân sự nên chưa được xóa án tích.

Tiền sự: Tại Quyết định số 52/2017/QĐ-TA ngày 23/5/2017, Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La đã quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với Đinh Ngọc B trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) tháng.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Trại tạm giam Can tỉnh Sơn La kể từ ngày 29/6/2019 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

- Nguyễn Văn Q, sinh năm 1982. Địa chỉ: Tiểu khu Thành Công, xã Nà Bó, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt tại phiên tòa.

- Tòng Văn C, sinh năm 1971. Địa chỉ: Bản Hời, xã Chiềng Mung, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Hà Văn N, sinh năm 1983. Địa chỉ: Tiểu khu 1, thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Có mặt tại phiên tòa.

- Cứ A E, sinh năm 1989. Địa chỉ: Bản Phiêng Hinh, xã Nà Bó, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt tại phiên tòa.

- Đặng Thị B2, sinh năm 1963. Địa chỉ: Tiểu khu 2, xã Cò Nòi, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Có mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng:

- Nguyễn Văn L1, sinh năm 1985. Địa chỉ: Tiểu khu 19/5, xã Cò Nòi, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt tại phiên tòa.

- Lò Văn L2, sinh năm 1985. Địa chỉ: Bản Co Hiên, xã Hát Lót, huyện

Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt tại phiên tòa.

- Lữ Minh L3, sinh năm 1976. Địa chỉ: Tiểu khu 12, thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt tại phiên tòa.

- Hoàng Văn L4, sinh năm 1995. Địa chỉ: Tiểu khu 1, thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt tại phiên tòa.

- Nguyễn Thị L5, sinh năm 1974. Địa chỉ: Tiểu khu 5, thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vụ thứ 1:

Khoảng 08 giờ 00 phút ngày 16/6/2019, Đinh Ngọc B gọi A thoại rủ Nguyễn Ngọc A lên khu vực nghĩa trang liệt sĩ thuộc tiểu khu 10, thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn chơi. B nói sẽ đi xe buýt từ nhà lên thị trấn Hát Lót và dặn A đứng chờ B ở khu vực cầu chui thuộc tiểu khu 9, thị trấn Hát Lót, A đồng ý.

A đi bộ từ nhà đến khu vực cầu chui chờ B như đã hẹn thì gặp B tại điểm dừng xe buýt ở vườn hoa gần cầu chui. B, A đi bộ theo đường Quốc lộ 6A lên khu vực nghĩa trang liệt sĩ, khi đi qua đường vào nhà văn hóa tiểu khu 11, thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn, A nhìn thấy có 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, biển kiểm soát 26K6- 6743 của Nguyễn Văn Q, sinh năm 1982, trú tại tiểu khu Thành Công, xã Nà Bó, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La dựng ở đường vào nhà văn hóa tiểu khu 11, cách đường Quốc lộ 6A khoảng 19m; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, biển kiểm soát 36D1- 286.95 của Mai Văn Khôi, sinh năm 1990 trú tại tổ 1, phường Quyết Tâm, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La dựng ở đường vào nhà văn hóa tiểu khu 11, cách đường Quốc lộ 6A khoảng 08m (cả 02 xe đều đang cắm chìa khóa tại ổ khóa A).

A nảy sinh ý định trộm cắp 01 chiếc xe mô tô để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. A nói với B “mình làm con xe bán lấy tiền tiêu sài đi”, B đồng ý. A bảo B đứng ở lề đường Quốc lộ 6A chờ, A đi bộ đến gần vị trí chiếc xe mô tô biển kiểm soát 26K6- 6743. Quan sát thấy không có người, A quay đầu và dắt chiếc xe mô tô biển kiểm soát 26K6 - 6743 ra đường Quốc lộ 6A đến vị trí B đang đứng đợi. A bật khóa A, đề nổ máy và điều khiển xe mô tô trộm cắp được chở B đi theo đường Quốc lộ 6A về hướng trung tâm thị trấn Hát Lót, sau đó rẽ vào đường tiểu khu 12, thị trấn Hát Lót, rồi đi qua bản 428, xã Hát Lót, huyện Mai Sơn ra đường Quốc lộ 6A, sau đó đi vào nghĩa trang tiểu khu 3/2, xã Cò Nòi, huyện Mai Sơn thì dừng xe lại.

A kiểm tra thấy ốc vít gắn biển kiểm soát trên xe mô tô vừa trộm cắp được lỏng, A dùng tay vặn ốc vít tháo biển kiểm soát rồi đặt tại giá để hàng trước yên xe. A điều khiển xe mô tô trộm cắp được chở B đi ra hướng đường Quốc lộ 6A, đi được khoảng 300m, A cầm biển kiểm soát ném xuống lề đường bên phải. Khi đi đến đường Quốc lộ 6A, A điều khiển xe mô tô đi về hướng

trung tâm xã Cò Nòi. Đến ngã ba tiểu khu 19/5, xã Cò Nòi, A rẽ vào quán mua bán xe mô tô cũ bên phải đường Quốc lộ 6A của Nguyễn Văn L1, sinh năm 1985, trú tại tiểu khu 19/5, xã Cò Nòi, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. A hỏi bán xe nhưng Ánh không mua, lúc này có Hà Văn N, sinh năm 1981 trú tại tiểu khu 1, thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La đang có mặt tại quán. Nhân hỏi A: “Xe bán bao nhiêu”, A đáp: “Bán bốn triệu”, Nhân hỏi: “Thế biển số đâu, giấy tờ đâu”, A nói dối “Xe của tôi bị rơi mất giấy tờ rồi, biển số đi rơi mất lâu rồi”, Nhân hỏi: “Thế có gì để làm tin không”, A nói: “Tôi có tờ giấy chứng minh thư photo để tôi viết mấy chữ vào cho làm tin”, Nhân đồng ý. A mượn chiếc bút bi màu xanh của Ánh viết vào tờ giấy khổ A4 photo chứng minh thư nhân dân của A với nội dung: “*Hôm nay ngày 16/06/2019. Tôi Nguyễn Ngọc A có Họ tên: Nguyễn Ngọc A có bán một chiếc xe dem cho anh Hà Văn N không có giấy tờ giá trị là 4.000.000 (Bốn triệu tiền chẵn). Hiện tại giấy chứng minh thư như trên. ĐT: 0867.806.728*”. A đưa tờ giấy khổ A4 có photo giấy chứng minh thư nhân dân của A và giao xe mô tô cho Nhân, Nhân đưa số tiền 4.000.000VNĐ (bốn triệu đồng) cho A. A cầm tiền, đưa cho B số tiền 1.000.000VNĐ (một triệu đồng), sau đó A đi xe buýt về nhà A, B đi xe buýt về nhà B, số tiền trên A và B đã chi tiêu hết.

Vụ thứ 2:

Khoảng 12 giờ 00 phút ngày 20/6/2019, Đinh Ngọc B gọi A thoại rủ Nguyễn Ngọc A đi lên khu vực xã Chiềng Ban, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La chơi. A nói không có xe và bảo B đến đón, B điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave biển kiểm soát 26B1- 363.24 (xe của gia đình B) đến nhà A và chở A đi theo đường Quốc lộ 6A lên xã Chiềng Ban. Khi đến gần chợ Chiềng Mung, B lại rủ A quay về, trên đường đi về đến khu vực bản Hời, xã Chiềng Mung, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, A nhìn thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream biển kiểm soát 26B1- 420.28 của gia đình Tòng Văn C, sinh năm 1971, trú tại bản Hời, xã Chiềng Mung, huyện Mai Sơn đang dựng trước cửa nhà Công, cách đường Quốc lộ 6A khoảng 23,6m. Quan sát thấy cửa nhà Công, không có ai ở nhà, A nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe mô tô trên bán lấy tiền tiêu sài. A bảo B dừng xe lại và nói “*Anh em mình lấy chiếc xe máy kia mang bán lấy tiền tiêu đi*”, đồng thời A chỉ tay về hướng chiếc xe mô tô Dream, B đồng ý. A đi đến vị trí dựng xe mô tô Dream thì nhìn thấy trên đất có 01 chiếc chìa khóa, loại khóa Việt Tiệp, cách vị trí xe mô tô Dream khoảng 01 m, A nhấc chìa khóa mở ổ khóa A xe mô tô biển kiểm soát 26B1 - 420.28 nhưng không mở được. A để chìa khóa tại ổ khóa A rồi dắt xe mô tô biển kiểm soát 26B1- 420.28 ra ngoài đường đến vị trí B đang đứng, A nói với B “*Xe không nổ được*”. B mở cốp xe mô tô của B lấy 01 dây cao su dài 2,8m đưa cho A cầm buộc một đầu dây cao su vào thanh sắt phía sau yên xe mô tô của B, tay trái A cầm đầu dây cao su còn lại, B điều khiển xe mô tô của B kéo A ngồi điều khiển xe mô tô trộm cắp được đi theo đường Quốc lộ 6A về hướng thị trấn Hát Lót. Khi đến khu vực chợ Nà Si, xã Hát Lót, huyện Mai Sơn thấy có quán sửa chữa xe mô tô bên trái đường, B, A dừng lại. A dắt xe mô tô trộm cắp được vào trong quán sửa chữa xe mô tô của Lò Văn L2, sinh năm 1985 thuộc bản Co Hiên, xã Hát Lót, huyện Mai

Sơn và bảo Chính sửa cho xe nổ, lúc này A thấy chiếc chìa khóa cắm ở ổ khóa A đã bị rơi mất.

B tháo dây cao su cột vào trong cốp xe mô tô của B, sau đó A bảo B chở A về nhà A để lấy tiền trả tiền sửa xe. B điều khiển xe mô tô của B chở A ngồi phía sau đi theo đường Quốc lộ 6A về hướng thị trấn Hát Lót. Khi đi cách quán sửa chữa xe mô tô khoảng 300m, A nhìn thấy tại lề đường bên trái có 01 đoạn dây dẫn nước cao su màu xanh dài khoảng 2,95m, A bảo B dừng xe lại, A nhặt đoạn dây dẫn nước và bảo B quay lại quán sửa xe để kéo xe về. B điều khiển xe mô tô chở A quay lại quán sửa xe mô tô, A bảo với Chính không sửa xe nữa. A đưa một đầu dây dẫn nước cho B buộc vào thanh sắt sau yên xe mô tô của B, đầu dây dẫn nước còn lại A cầm ở tay trái. B điều khiển xe mô tô của B kéo A ngồi điều khiển xe mô tô trộm cắp được đi về hướng thị trấn Hát Lót. A bảo B rẽ đi vào đường tiểu khu 12, thị trấn Hát Lót để sửa xe mô tô. Khi đi cách đường Quốc lộ 6A khoảng 01km thấy có quán sửa chữa xe mô tô của Lữ Minh L3, sinh năm 1976 thuộc tiểu khu 12, thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn, B dừng xe lại ở lề đường, A dắt xe mô tô trộm cắp được vào quán bảo Thanh sửa cho xe nổ. B tháo dây dẫn nước ném vào lề đường cạnh quán sửa xe mô tô. A điều khiển xe mô tô của B về nhà A lấy tiền để trả tiền sửa xe, trên đường về đến khu vực tiểu khu 8, thị trấn Hát Lót, A nhặt được 01 chiếc biển kiểm soát xe mô tô số 26H5- 0688 ở lề đường. A về nhà lấy 20.000VNĐ rồi điều khiển xe mô tô mang theo biển kiểm soát vừa nhặt được quay lại quán sửa xe của Thanh.

Khi A điều khiển xe mô tô đi về nhà, Thanh tháo mặt nạ xe, rút dây A đấu với ổ khóa A. B dùng tay tháo biển số xe máy trộm cắp được. A điều khiển xe máy cách quán sửa xe của Thanh khoảng 200m thì thấy B đang dựng chiếc xe mô tô trộm cắp ở lề đường đợi, A hỏi B: *“sửa hết bao nhiêu tiền”*, B trả lời: *“sửa hết mười nghìn, em tháo biển số rồi”*. B đưa biển kiểm soát xe 26B1-420.28 cho A cầm dắt vào giá để hàng trước yên xe máy trộm cắp được, A lắp biển kiểm soát 26H5 - 0688 vào xe máy trộm cắp được.

Sau đó, B điều khiển xe mô tô của B, A điều khiển xe mô tô trộm cắp được đi theo đường tiểu khu 12, thị trấn Hát Lót về hướng bản 428, xã Hát Lót, huyện Mai Sơn. Khi đi qua cầu treo tiểu khu 12 khoảng 01km, A cầm biển kiểm soát 26B1- 420.28 ném xuống vệ đường bên phải. Đi thêm khoảng 500m, A dừng xe lại dùng tay tháo gương chiếu hậu bên trái xe mô tô ném xuống lề đường bên phải. A, B điều khiển xe mô tô đi đến bản 428, rẽ ra đường Quốc lộ 6A đi xuống khu vực xã Cò Nòi hỏi bán xe mô tô trộm cắp nhưng không bán được. B điều khiển xe mô tô của B về nhà B, A điều khiển xe mô tô trộm cắp được về nhà Đinh Q Lượng (bố vợ của A), sinh năm 1939, trú tại tiểu khu 8, thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn và dựng xe mô tô trộm cắp tại sân nhà Lượng.

Đến khoảng 12 giờ ngày 21/6/2019, Đinh Ngọc B gọi A thoại cho Nguyễn Ngọc A bảo A tìm cách để bán xe mô tô trộm cắp. A điều khiển xe mô tô trộm cắp được đi xuống nhà B. Sau đó, B điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 26B1- 363.24, A điều khiển xe mô tô trộm cắp được đi theo đường Quốc lộ 6A lên thị trấn Hát Lót để bán xe mô tô. Khi đi đến khu vực tiểu khu 1, thị trấn Hát

Lót, huyện Mai Sơn, A, B điều khiển xe mô tô đi vào quán sửa chữa xe mô tô phía bên trái đường của Nguyễn Mạnh Cường, sinh năm 1985 thuộc tiểu khu 1, thị trấn Hát Lót. Trong quán khi đó có Nguyễn Đình Cần (bố của Nguyễn Mạnh Cường), sinh năm 1959 đang nằm ở võng; Hoàng Văn L4, sinh năm 1995, trú tại tiểu khu 1, thị trấn Hát Lót đang bơm xe mô tô cho Cừ A E, sinh năm 1989, trú tại bản Phiêng Hinh, xã Nà Bó, huyện Mai Sơn. A hỏi Hiệp: “*ông em ới xem ở đây có ai lấy xe không*”, Hiệp đáp: “*chủ quán đi vắng chắc là không lấy đâu*”. Thấy A hỏi bán xe mô tô, Dưa hỏi “*bán xe à*” A nói “*ừ bán*” Dưa hỏi “*bán bao nhiêu*” A đáp “*bán ba triệu*” Dưa hỏi “*xe của ai, giấy tờ đâu*” A nói dối là xe mô tô của A nhưng giấy tờ xe bị rơi mất, cần tiền nên bán. Dưa nói không mang tiền mặt và hỏi A có tài khoản không, A gọi A thoại cho Nguyễn Thị L5 (người quen của A), sinh năm 1974, tạm trú tại tiểu khu 5, thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La (HKTT: tiểu khu 8, thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn) hỏi nhờ chuyển tiền vào tài khoản. Hải đồng ý và đọc số tài khoản 1440205322826 của Hải cho A, A đọc cho Dưa chuyển 3.000.000VNĐ (*ba triệu đồng*) vào tài khoản của Hải. A gọi A thoại hỏi Hải “*đã nhận được tiền chưa*”, Hải trả lời “*nhận được rồi*”, A giao xe cho Dưa.

Sau đó, B điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 26B1- 363.42 chở A đến nhà Hải, B đứng ngoài cổng, A đi bộ vào nhà Hải. Thấy A đến, Hải đưa cho A số tiền 3.000.000VNĐ. A cầm tiền cất vào túi quần phía sau đang mặc rồi đi ra ngoài, B chở A đi đến gầm cầu chui thuộc tiểu khu 8, thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La thì dừng lại, tại đây A đưa cho B số tiền 700.000VNĐ. B điều khiển xe mô tô chở A về nhà A, sau đó B điều khiển xe mô tô đi về nhà ngủ. Số tiền bán xe mô tô trộm cắp được A, B đã chi tiêu hết.

Ngày 26/6/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra Can huyện Mai Sơn đã yêu cầu hội đồng định giá tài sản huyện Mai Sơn tiến hành định giá tài sản đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, màu nâu, biển kiểm soát 26B1- 420.28.

Ngày 26/6/2019 Hội đồng định giá tài sản huyện Mai Sơn ra bản kết luận định giá tài sản số 578/KL-HĐ kết luận: “*xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, màu nâu, biển kiểm soát 26B1- 420.28, đã qua sử dụng, giá trị thẩm định là 23.000.000VNĐ*”.

Ngày 15/7/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra Can huyện Mai Sơn đã yêu cầu hội đồng định giá tài sản huyện Mai Sơn tiến hành định giá tài sản đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, màu nâu, biển kiểm soát 26K6- 6743.

Ngày 15/7/2019 Hội đồng định giá tài sản huyện Mai Sơn ra bản kết luận định giá tài sản số 638/KL-HĐ kết luận: “*xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, màu nâu, biển kiểm soát 26K6- 6743, đã qua sử dụng, giá trị thẩm định là 23.000.000VNĐ*”.

Tại bản cáo trạng số: 72/CT-VKSMS ngày 16/9/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn truy tố các bị cáo Nguyễn Ngọc A, Đinh Ngọc B về tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo theo Cáo trạng và đề nghị hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Ngọc A, Đinh Ngọc B phạm tội Trộm cắp tài sản.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc A từ 30 đến 36 tháng tù.

Xử phạt bị cáo Đinh Ngọc B từ 28 đến 34 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo

Về vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 47; Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm c khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015:

Tịch thu tiêu hủy 01 đoạn dây dẫn nước nhựa màu xanh dài 2,95m, đường kính 02cm, đã qua sử dụng; 01 biển kiểm soát 26H5-0688, đã qua sử dụng cũ.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Ngọc A 01 A thoại di động nhãn hiệu Nokia X1- 01, vỏ màu đen, màn hình vỡ có dán băng dính đen và đỏ, kèm theo sim số 0984.900.677 và 0867.806.728, đã qua sử dụng cũ.

Chấp nhận việc cơ quan điều tra trả lại cho bị hại Nguyễn Văn Q 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, màu sơn nâu, số khung 524011, số máy 1153861, không có biển kiểm soát.

Chấp nhận việc cơ quan điều tra trả lại cho bị hại Tòng Văn C01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, màu sơn Nâu, số khung RLHHA 080XAY 187903, số máy HA08E 1487942, không có biển kiểm soát.

Chấp nhận việc cơ quan điều tra trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ddặng Thị B2 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn đen, số khung 218573, số máy 3018621, biển kiểm soát 26B1 - 36342; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe máy biển kiểm soát 26B1 – 36342 mang tên Lữ Văn Chương.

Về trách nhiệm dân sự:

Chấp nhận việc bị hại Nguyễn Văn Q không yêu cầu các bị cáo bồi thường dân sự.

Chấp nhận người bị hại Tòng Văn Cyêu cầu Nguyễn Ngọc A, Đinh Ngọc B bồi thường số tiền 3.000.000VNĐ gồm: 2.000.000VNĐ tiền Ctìm kiếm xe mô tô; 500.000VNĐ tiền phí làm lại biển kiểm soát; 400.000VNĐ tiền thay ổ khóa A và ổ khóa cốp xe; 100.000VNĐ tiền mua lắp lại gương chiếu hậu xe máy.

Buộc các bị cáo Nguyễn Ngọc A, Đinh Ngọc B trả lại số tiền 4.000.000VNĐ (Bốn triệu đồng) cho Hà Văn N và trả cho Cứ A E số tiền 3.000.000VNĐ (Ba triệu đồng).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015; Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30

tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000VNĐ.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Ngọc A, Đinh Ngọc B đã trình bày đúng với nội dung bản cáo trạng số 72/CT-VKSMS ngày 16/9/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Bị cáo Nguyễn Ngọc A, Đinh Ngọc B tự bào chữa: Nhất trí với nội dung bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Trong quá trình điều tra người bị hại Nguyễn Văn Q không yêu cầu bồi thường dân sự và có đơn xin xét xử vắng mặt. Người bị hại Tòng Văn C tại phiên tòa xác nhận tài sản bị mất đã được cơ quan điều tra trả lại, về phần bồi thường dân sự đề nghị các bị cáo phải bồi thường tiền sửa xe và tiền làm lại biển số là 3.000.000VNĐ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đặng Thị B2 trình bày: Nhất trí với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] *Về tố tụng*: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Can huyện Mai Sơn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân huyện Mai Sơn, Kiểm sát viên, thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về tình tiết định tội, định khung hình phạt*:

Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Ngọc A, Đinh Ngọc B khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã khai tại cơ quan điều tra, các bị cáo vì hám lời nên đã có hành vi trộm cắp tài sản. Lời khai của các bị cáo không có nội dung gì thay đổi, việc khai báo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay là hoàn toàn tự nguyện và đúng với sự việc các bị cáo đã thực hiện.

Xét lời khai của các bị cáo là hoàn toàn phù hợp với các chứng cứ do Cơ quan điều tra đã lập và phù hợp với lời khai của người bị hại, người liên quan trong quá trình điều tra và những người làm chứng có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Ngày 16.6.2019, Nguyễn Ngọc A đã rủ Đinh Ngọc B đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, BKS: 26K6- 6743 trị giá 23.000.000VNĐ của Nguyễn Văn Q. Ngày 20.6.2019,

Nguyễn Ngọc A rủ Đinh Ngọc B lén lút thực hiện hành vi trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, BKS: 26B1- 420.28 trị giá 23.000.000VNĐ của bị hại Tòng Văn C. Tổng giá trị tài sản các bị cáo trộm cắp là 46.000.000VNĐ.

Như vậy, Cáo trạng số 72/CT-VKSMS ngày 18/9/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn truy tố các bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 cũng như quan điểm luận tội của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] *Xét về tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm và vai trò của từng bị cáo:* Hành vi phạm tội của các bị cáo đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của người bị hại và gián tiếp gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương gây bất bình trong nhân dân. Đây là vụ án có đồng phạm nhưng thuộc dạng giản đơn, trong đó Nguyễn Ngọc A là người chủ mưu khởi xướng cả hai lần phạm tội, bị cáo đã rủ Đinh Ngọc B cùng trộm cắp tài sản, là người trực tiếp thực hiện việc trộm cắp tài sản và bán tài sản, chia số tiền đã thu được từ tài sản trộm cắp để chia cho bị cáo B, do đó bị cáo giữ vai trò chính trong vụ án có đồng phạm. Bị cáo Đinh Ngọc B sau khi được A rủ trộm cắp tài sản đã đồng tình ngay và trực tiếp cùng A thực hiện việc trộm cắp, bán tài sản trộm cắp được. Do vậy, B giữ vai trò là người giúp sức và thực hành tích cực trong vụ án. Do đó khi quyết định hình phạt cần căn cứ Điều 58 BLHS để xem xét tính chất, mức độ của các bị cáo khi thực hiện tội phạm.

[4] *Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo:* Các bị cáo đều có nhân thân xấu, có tiền án chưa được xóa án tích, cụ thể tại Bản án số: 54/2017/HSST ngày 11/4/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình Nguyễn Ngọc A bị xử phạt 01 năm 06 tháng tù giam về tội tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015. Ngày 22/4/2018 A chấp hành xong hình phạt tù, nên đến lần phạm tội này chưa được xóa án tích. Đối với bị cáo Đinh Ngọc B tại Bản án số 96/2008/HSST ngày 28/8/2008 của Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La Đinh Ngọc B bị xử phạt 09 năm (chín năm) tù giam về tội Cố ý gây thương tích theo quy định tại khoản 3 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999. Đinh Ngọc B chưa chấp hành xong phần bồi thường dân sự nên chưa được xóa án tích. Trong lần phạm tội này các bị cáo hai lần phạm tội trộm cắp tài sản. Do đó các bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ, tại cơ quan điều tra cũng như trong quá trình xét xử các bị cáo đều thành khẩn khai báo tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi của mình do đó được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Từ những đánh giá nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để các bị cáo cải tạo giáo dục bản thân, đồng thời răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] *Về hình phạt bổ sung*: Các bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập, sống phụ thuộc gia đình nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo vì nếu có áp dụng cũng không có khả năng thi hành án.

[6] *Về vật chứng, xử lý vật chứng*: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra có thu giữ một số vật chứng và giải quyết vật chứng liên quan đến vụ án, áp dụng khoản 2 Điều 47; Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm c khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 giải quyết như sau:

Tịch thu tiêu hủy 01 đoạn dây dẫn nước nhựa màu xanh dài 2,95m, đường kính 02cm, đã qua sử dụng; 01 biển kiểm soát 26H5-0688, đã qua sử dụng cũ.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Ngọc A 01 A thoại di động nhãn hiệu Nokia X1- 01, vỏ màu đen, màn hình vỡ có dán băng dính đen và đỏ, kèm theo sim số 0984.900.677 và 0867.806.728, đã qua sử dụng cũ.

Chấp nhận việc cơ quan điều tra trả lại cho bị hại Nguyễn Văn Q 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, màu sơn nâu, số khung 524011, số máy 1153861, không có biển kiểm soát.

Chấp nhận việc cơ quan điều tra trả lại cho bị hại Tòng Văn C01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, màu sơn Nâu, số khung RLHHA 080XAY 187903, số máy HA08E 1487942, không có biển kiểm soát.

Chấp nhận việc cơ quan điều tra trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ddặng Thị B2 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn đen, số khung 218573, số máy 3018621, biển kiểm soát 26B1 - 36342; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe máy biển kiểm soát 26B1 – 36342 mang tên Lữ Văn Chương.

[7] *Về trách nhiệm dân sự*: Áp dụng Điều 48 BLHS: Chấp nhận việc bị hại Nguyễn Văn Q không yêu cầu các bị cáo bồi thường dân sự.

Chấp nhận yêu cầu của bị hại Tòng Văn Cyêu cầu Nguyễn Ngọc A, Đinh Ngọc B bồi thường số tiền 3.000.000VNĐ (*Ba triệu đồng*) gồm: 2.000.000VNĐ tiền C tìm kiếm xe mô tô; 500.000VNĐ tiền phí làm lại biển kiểm soát; 400.000VNĐ tiền thay ổ khóa A và ổ khóa cốp xe; 100.000VNĐ tiền mua lắp lại gương chiếu hậu xe máy. Chia theo phần bị cáo A bồi thường 2.000.000VNĐ, bị cáo B bồi thường 1.000.000VNĐ.

Buộc các bị cáo Nguyễn Ngọc A, Đinh Ngọc B trả lại số tiền 4.000.000VNĐ (Bốn triệu đồng) cho Hà Văn N và trả cho Cú A E số tiền 3.000.000VNĐ (Ba triệu đồng). Chia theo phần: Bị cáo A bồi thường 5.300.000VNĐ, bị cáo B bồi thường 1.700.000VNĐ.

[8] *Về án phí*: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015; Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm mỗi bị cáo là 200.000VNĐ. Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch bị cáo A là 300.000VNĐ, bị cáo B là 300.000VNĐ.

[9] *Về các vấn đề khác*:

Đối với Hà Văn N, kết quả điều tra xác định, khi mua xe mô tô của A và B, Nhân không biết chiếc xe mô tô đó do A, B trộm cắp mà có. Nên hành vi của Nhân không cấu thành tội chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Đối với Cừ A E, kết quả điều tra xác định, khi mua xe mô tô của A và B, Dưa không biết chiếc xe mô tô đó do A, B trộm cắp mà có. Nên hành vi của Dưa không cấu thành tội chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Đối với Đinh Q Lượng, kết quả điều tra xác định, khi A dựng xe mô tô trộm cắp được tại sân nhà Lượng, Lượng không biết chiếc xe mô tô đó do A và B trộm cắp mà có. Do vậy, Cơ quan cảnh sát điều tra Can huyện Mai Sơn không đặt vấn đề xử lý đối với Đinh Q Lượng.

Đối với Ddặng Thị B2 (mẹ của Đinh Ngọc B), kết quả điều tra xác định, khi cho B mượn xe mô tô biển kiểm soát 26B1- 363.42, Thủy không biết việc B sử dụng chiếc xe mô tô trên làm phương tiện thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Do vậy, Cơ quan cảnh sát điều tra Can huyện Mai Sơn không đặt vấn đề xử lý đối với Ddặng Thị B2.

Đối với Nguyễn Thị L5 kết quả điều tra xác định, khi Hải cho A mượn tài khoản để Dưa chuyển trả tiền mua xe mô tô ngày 21/6/2019, Hải không biết số tiền đó là do A bán tài sản trộm cắp được mà có. Do vậy, Cơ quan cảnh sát điều tra Can huyện Mai Sơn không đặt vấn đề xử lý đối với Nguyễn Thị L5.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Ngọc A, Đinh Ngọc B phạm tội Trộm cắp tài sản.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc A 33 (ba mươi ba) tháng tù. Thời gian thụ hình tính từ ngày 29.6.2019.

Xử phạt bị cáo Đinh Ngọc B 28 (hai mươi tám) tháng tù. Thời gian thụ hình tính từ ngày 29.6.2019.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo

2. Về vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 47; Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm c khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015:

Tịch thu tiêu hủy 01 đoạn dây dẫn nước nhựa màu xanh dài 2,95m, đường kính 02cm, đã qua sử dụng; 01 biển kiểm soát 26H5-0688, đã qua sử dụng cũ.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Ngọc A 01 A thoại di động nhãn hiệu Nokia X1- 01, vỏ màu đen, màn hình vỡ có dán băng dính đen và đỏ, kèm theo sim số 0984.900.677 và 0867.806.728, đã qua sử dụng cũ.

Chấp nhận việc cơ quan điều tra trả lại cho bị hại Nguyễn Văn Q 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, màu sơn nâu, số khung 524011, số máy 1153861, không có biển kiểm soát.

Chấp nhận việc cơ quan điều tra trả lại cho bị hại Tòng Văn C 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, màu sơn Nâu, số khung RLHHA 080XAY 187903, số máy HA08E 1487942, không có biển kiểm soát.

Chấp nhận việc cơ quan điều tra trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đặng Thị B2 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn đen, số khung 218573, số máy 3018621, biển kiểm soát 26B1 - 36342; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe máy biển kiểm soát 26B1 – 36342 mang tên Lữ Văn Chương.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 BLHS: Chấp nhận việc bị hại Nguyễn Văn Q không yêu cầu các bị cáo bồi thường dân sự.

Chấp nhận yêu cầu của bị hại Tòng Văn C yêu cầu Nguyễn Ngọc A, Đinh Ngọc B bồi thường số tiền 3.000.000VNĐ gồm: 2.000.000VNĐ tiền công tìm kiếm xe mô tô; 500.000VNĐ tiền phí làm lại biển kiểm soát; 400.000VNĐ tiền thay ổ khóa A và ổ khóa cốp xe; 100.000VNĐ tiền mua lắp lại gương chiếu hậu xe máy. Chia theo phần bị cáo A bồi thường 2.000.000VNĐ, bị cáo B bồi thường 1.000.000VNĐ.

Buộc các bị cáo Nguyễn Ngọc A, Đinh Ngọc B liên đới trả lại số tiền 4.000.000VNĐ (Bốn triệu đồng) cho Hà Văn N và trả cho Cứ A E số tiền 3.000.000VNĐ (Ba triệu đồng). Chia theo phần tương ứng với số tiền các bị cáo đã được hưởng như sau: Bị cáo A bồi thường 5.300.000VNĐ, bị cáo B bồi thường 1.700.000VNĐ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người bị hại có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo chậm trả số tiền trên thì bị cáo còn phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015; Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000VNĐ. Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch bị cáo A là 300.000VNĐ, bị cáo B là 300.000VNĐ.

Báo cho các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 06/9/2019); Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết Ckhai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án tỉnh Sơn La;
- Sở tư pháp tỉnh Sơn La;
- Viện KSND Mai Sơn ;
- Viện KSND tỉnh Sơn La ;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Mai Sơn ;
- Can huyện Mai Sơn ;
- Chi cục THADS Mai Sơn ;
- Bị cáo;
- Bị hại ;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nông Văn Thịnh